TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 26-4-2018.
V/v: " *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân***:**

- Ông Nguyễn Ngọc Quý.
- Ông Phạm Tiến Lợi,

- *Thư ký phiên toà*: Ông Tô Mạnh Hà - thư ký Tòa án nhân dân Huyện C, thành phố Hà Nội.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân Huyện C tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về: " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15 /2018/QĐXX-ST 06/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khả C**, sinh năm: 1959 *(Có mặt).*

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị D**, sinh năm: 1975*(Vắng mặt)*

Đều có HKTT: Số nhà X, tổ Y, Khu T, Thị trấn X, Huyện C, thành phố Hà Nội.

Đều cư trú: Khu tập thể trường Đại học L Hà Nội địa chỉ: Thị trấn X, Huyện C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Khả C trình bày: Sau khi ông ly hôn vợ vào năm 2014, ông và bà Đỗ Thị D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn X, Huyện C ngày

22/04/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng ông thuê nhà sau đó chuyển về khu tập thể Đại học Lâm Nghiệp có địa chỉ tại Thị trấn X, Huyện C ở cho đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn bất hòa xuất phát từ kinh tế gia đình, bà D thường xuyên nghi ngờ ông chơi bời, cờ bạc, coi thường ông không có nhà cửa ổn định, lương thấp dẫn đến không thể sống chung với nhau được. Từ khoảng tháng 11/2017 ông không ở cùng phòng mà ở nhờ phòng khác của khu tập thể của trường Đại học Lâm nghiệp ở, vợ chồng sống ly thân. Đầu tháng 2/2018 tết nguyên đán ông có về nhà ăn tết đến ngày 21/02/2018 (tức ngày 06/1/2018 âm lịch) ông lại vào tập thể trường Đại học Lâm nghiệp ở, vợ chồng ông tiếp tục sống ly thân không quan tâm, không nói chuyện với nhau, trong quá trình giải quyết bà D đã bỏ về quê ngoại tại tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống. Nay ông đề nghị giải quyết được xin ly hôn với bà D vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Nguyễn Công A, sinh ngày 29/10/2015 hiện đang ở cùng bà D. Ly hôn vì con chung chưa đủ 3 tuổi nên ông để bà D tiếp tục nuôi dưỡng ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/1 tháng vì hiện nay ông C tác trong trường Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam, thu nhập khoảng 8.000.000đ /1 tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày*:** Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn như ông C trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống bình thường nhưng gần đây có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C thường có thói quen ham mê đánh bài bạc, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông C không nghe, ngoài ra bà có nghe Công có quan hệ với một người phụ nữ khác ở cùng tổ 4 Khu T bà có khuyên bảo thì vợ chồng xô sát ông C đã đánh bà (bà không có chứng cứ nộp cho Tòa án việc ông C quan hệ với phụ nữ khác). Hiện nay ông C ở khu tập thể trường Đại học Lâm Nghiệp ở từ khoảng tháng 02/2018 (ngày 6/1/2018 âm lịch) đến nay không về nhà. Nay ông C khởi kiện xin ly hôn bà không đồng ý mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên người vì con chung của vợ chồng chưa đủ 3 tuổi.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Công A, sinh ngày 29/10/2015 hiện đang ở cùng bà, ly hôn vì con chung chưa đủ 3 tuổi nên bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ / 1 tháng. Hiện tại bà đang làm nghề kinh doanh buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng của bà khoảng 7.000.000đ /1 tháng do làm tự do nên bà không có tài liệu chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đã thống nhất: Về điều kiện kết hôn cả hai vợ chồng ông C và bà D đều thừa nhận có đăng ký kết hôn tại UBND

Thị trấn X, đã nộp cho Tòa án Trích lục kết hôn. Thống nhất vợ chồng có 1 con chung giao cho bà D nuôi.

Các tình tiết không thống nhất: Quan hệ hôn nhân, mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 53, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Khả C ly hôn bà Đỗ Thị D. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Công A, sinh ngày 29/10/2015 cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng ông C đóng góp là 2.000.000đ/ 1 tháng.

Về án phí: Ông C phải chịu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tại phiên Tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được tống đạt giấy triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ 2 vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Khả C và bà Đỗ Thị D tự nguyện tìm hiểu tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn X, Huyện C ngày 22/04/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và tại phiên tòa nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng ông C bà D thuê nhà ở tại địa chỉ số nhà 22, tổ 4, Khu T, Thị trấn X; vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng 2 năm thì mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng, lối sống khác nhau, vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau dẫn đến mâu thuẫn. Từ cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân bà D có làm đơn ly hôn gửi cho ông C ký. Tại phiên tòa ông C giữ nguyên quan điểm ly hôn. Bà D trình bày trình bày thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhưng hiện nay bà về Vĩnh Phúc sinh sống làm ăn, cả hai bên không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng, bà D trình bày vẫn còn tình cảm với ông là không

đúng, điều đó chứng minh tình cảm vợ chồng ông C không còn, vợ chồng không có trách nhiệm nghĩa vụ với nhau. Vì vậy ông C xin ly hôn bà D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho ông C ly hôn bà D để hai bên ổn định cuộc sống.

[3]. Về quan hệ con chung: Ông C và bà D đều trình bày vợ chồng có 1 con chung Nguyễn Công A, sinh ngày 29/10/2015 chưa đủ 3 tuổi hiện đang ở cùng bà D, ông C đề nghị ly hôn giao cho bà D nuôi con là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân&gia đình. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D là 2.000.000đ/ 1 tháng, còn bà D đề nghị ông C cấp dưỡng 3.000.000đ/ 1 tháng. Căn cứ vào tình hình thực tế nhu cầu chi phí ăn, mặc, học cho 1 đứa trẻ thì mức ông C đưa ra là phù hợp vì vậy chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông C, đóng góp nuôi con chung cùng bà D là 2.000.000đ/ tháng. Ông C không nuôi con nhưng được đi lại thăm chăm sóc con chung không ai được ngăn cản,theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4].Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Vợ chồng ông C và bà D xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 28,35,39,147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Khả C và bà Đỗ Thị D ly hôn.

3. Về nuôi con chung: Giao cho bà Đỗ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Công A, sinh ngày 29/10/2015 kể từ ngày 26/4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Ông C có quyền nghĩa vụ thăm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của ông C đóng góp nuôi con chung cùng bà D là 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Kể từ khi bà D có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu ông C chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0003250 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện C. Ông C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND TT X (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án/ Văn phòng.